

V/v: Tranh chấp ly hôn.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sau khi kết hôn, anh chị ở tại phòng 906, nơ 9A, Bán đảo L, phường H1, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, không có sự tôn trọng nhau trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, anh D sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn để xây dựng gia đình. Nhiều lần, anh D còn ghen tuông vô cớ, không có lí do chính đáng khiến chị H rất mệt mỏi, có lần anh chị đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc đánh nhau. Trong cuộc sống hàng ngày, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên năm 2023 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh D. Khi đó, anh D cũng thuận tình ly hôn chị H. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án hòa giải và anh D hứa sẽ thay đổi thì chị H đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nhưng sau khi rút đơn về, anh D vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không cải thiện được và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra và hòa giải chị H đều có mặt nhưng anh D không có mặt dù Tòa án đã tổng đạt tất cả thông báo của Tòa án cho anh D.

Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh D có 3 con chung là Hà Thùy D1, sinh ngày 03/3/2009; Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2011 và Hà Hương A, sinh ngày 03/10/2015. Hiện nay, sức khỏe ba con chung bình thường, phát triển tốt và đang ở cùng anh chị tại địa chỉ phòng 906, nơ 9A, Bán đảo L, phường H1, quận H, thành phố Hà Nội. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cháu D1 và cháu Hương A. Cháu B muốn ở với anh D thì chị H cũng đồng ý, nếu cháu B muốn ở với chị H thì chị H cũng đồng ý nuôi cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị H làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Do chị H làm tự do nên không có xác nhận thu nhập nộp cho Tòa án. Anh D cũng làm tự do nên thu nhập cụ thể chị H không biết rõ, từ lâu nay anh chị kinh tế độc lập với nhau.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H xác nhận chị và anh D không có, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác nhận chị và anh D không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí giải quyết vụ án ly hôn: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

Bị đơn là anh Hà Sông D: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không trình bày ý kiến và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không lấy lời khai của anh D được.

*** *Tại phiên tòa hôm nay:***

- Chị Đỗ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Hà Sông D. Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh Danh có ba con chung là Hà Thùy D1, sinh ngày 03/3/2009; Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2011 và Hà Hương A, sinh ngày 03/10/2015. Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 và cháu Hương A. Cháu B có nguyện vọng ở với anh D nên chị đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Hà Sông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa hôm nay.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của chị H là luật sư Hoàng Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

*** *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) thụ lý đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị H đối với anh Hà Sông D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H về việc xin ly hôn với anh Hà Sông D, cho chị H được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giao con chung là cháu D1 và cháu Hương A cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao con chung là cháu B cho anh Hà Sông D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị H và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh D không có ý kiến trình bày, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh D không có ý kiến trình bày, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H có đơn xin ly hôn đối với anh Hà Sông D có địa chỉ tại phòng 906, Nơ 9A, Bán đảo L, phường H1, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H1, thành phố Hà Nội). Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hà Sông D, tuy nhiên sau khi nhận được các văn bản tố tụng thì anh D không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và các buổi làm việc anh D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 23/7/2025, anh D và luật sư H1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227, điều 233, khoản 2 điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 15/8/2025. Tại phiên tòa hôm nay, anh D và luật sư H1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Hà Sông D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 9 năm 2008 tại UBND xã Việt Dân, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (Nay là xã Việt Dân, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Đây là lần kết hôn thứ nhất, trước đó chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị H tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Quá trình anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, không có sự tôn trọng nhau trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, anh D sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn để xây dựng gia đình. Nhiều lần, anh D còn ghen tuông

vô cớ, không có lí do chính đáng khiến chị H rất mệt mỏi, có lần anh chị đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc đánh nhau. Trong cuộc sống hàng ngày, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên năm 2023 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh D. Khi đó, anh D cũng thuận tình ly hôn chị H. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án hòa giải và anh D hứa sẽ thay đổi thì chị H đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nhưng sau khi rút đơn về, anh D vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không cải thiện được và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra và hòa giải chị H đều có mặt nhưng anh D không có mặt dù anh D đã nhận được tất cả thông báo của Tòa án.

Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, vợ chồng phải cùng nhau quan tâm và thương yêu, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo đến Tòa làm việc cho anh D, anh D đã nhận được và biết được về nội dung các buổi làm việc nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Điều này chứng tỏ anh D không có thiện chí để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị H và anh Hà Sông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị H xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Hà Sông D là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh Danh có 03 con chung là Hà Thùy D1, sinh ngày 03/3/2009; Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2011 và Hà Hương A, sinh ngày 03/10/2015. Hiện nay sức khỏe 03 con chung bình thường và đang ở cùng anh chị tại địa chỉ phòng 906, nơ 9A, Bán đảo L, phường H1, quận H, thành phố Hà Nội. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cháu D1 và cháu Hương A. Cháu B muốn ở với anh D thì chị H cũng đồng ý, nếu cháu B muốn ở với chị H thì chị H cũng đồng ý nuôi cháu B. Tại phiên tòa chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu B cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì đó là nguyện vọng của cháu B muốn ở với anh D. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hà Sông D vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, do vậy Tòa án không lấy được ý kiến của anh D về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với việc nuôi dưỡng cháu Thùy D1 và cháu Hương A: Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Thùy D1 và cháu Hương A. Xét thấy, cháu Thùy D1 và cháu Hương A có đơn trình bày ý kiến với nguyện vọng được ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các thông báo về các buổi làm việc, anh D biết rõ nội dung của buổi làm việc nhưng không đến Tòa, cũng không trình bày mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, cháu Thùy D1 và cháu Hương A là con gái, do đó cần sự quan tâm và chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền

lợi và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung sau khi ly hôn cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024 giao con chung là cháu Hà Thùy D1 và cháu Hà Hương A cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Đối với việc nuôi dưỡng cháu Gia B: Hiện nay, cháu Gia B sức khỏe bình thường và đang sinh sống cùng với bố mẹ. Xét thấy, cháu Gia B có đơn trình bày ý kiến mong muốn được ở cùng với bố nếu bố mẹ ly hôn. Hơn nữa, chị H cũng đồng ý để anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia B sau khi ly hôn. Anh D làm nghề tự do, hàng tháng vẫn có thu nhập đảm bảo chăm lo đầy đủ cho cuộc sống của cháu Gia B. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024 giao con chung là cháu Hà Gia B cho anh Hà Sông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Đỗ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H. Chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Hà Sông D.

2. Về con chung: Xác nhận chị Đỗ Thị H và anh Hà Sông D có ba con chung là cháu Hà Thùy D1, sinh ngày 03/3/2009; Hà Gia B, sinh ngày 02/10/2011 và Hà Hương A, sinh ngày 03/10/2015. Giao con chung là cháu Hà Thùy D1 và cháu Hà Hương A cho chị Đỗ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Hà Gia B cho anh Hà Sông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Đỗ Thị H và anh Hà Sông D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Đỗ Thị H và anh Hà Sông D kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung (Bao gồm động sản và bất động sản): Chị Đỗ Thị H và anh Hà Sông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Đỗ Thị H và anh Hà Sông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0034829 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội). Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hà Sông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND xã Việt Dân, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (Nơi đăng ký kết hôn);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại